

PHAM K.NGOC LAN

Thời gian : 09h30 - 26/07/2025 - Phòng thi 408 /2 - 254 Nguyễn Văn Linh

[illegible]

Số SV vắng Đình chỉ: Tổng số bài thi: Tổng số tờ:

NGƯỜI LẬP

GIÁM THI

GIẤM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

TRUNG TÂM KHẢO THÍ

PHAM K.NGOC LAN

Thời gian : 09h30 - 26/07/2025 - Phòng thi 414 /1 - 254 Nguyễn Văn Linh

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	SỐ TỜ	KÝ TÊN	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
1	28204305339	Ngô Thị Mỹ	Nhung	AUD 353 SA	K28KDN				
2	28206602822	Phạm Thị Mỹ	Nương	AUD 353 SA	K28KDN				
3	28204934447	Đặng Thị Kiều	Oanh	AUD 353 SA	K28KDN				
4	28204950870	Phan Võ Kiều	Oanh	AUD 353 SA	K28KDN				
5	28206750798	Nguyễn Đình Diễm	Phương	AUD 353 SA	K28KDN				
6	28208049478	Nguyễn Trần Diệu	Phương	AUD 353 SA	K28KDN				
7	28204552464	Cao Ngọc Bảo	Quyên	AUD 353 SA	K28KDN				
8	27212653360	Phạm Như	Quỳnh	AUD 353 SA	K27KDN				
9	28204602964	Hồ Thị Diễm	Quỳnh	AUD 353 SA	K28KDN				
10	28204954836	Hồ Nguyễn Như	Quỳnh	AUD 353 SA	K28KDN				
11	28209506732	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	AUD 353 SA	K28KDN				
12	28204902549	Trương Thị	Sen	AUD 353 SA	K28KDN				
13	28204900508	Trần Hoài	Sương	AUD 353 SA	K28KDN				
14	28218105674	Ngô Việt	Thành	AUD 353 SA	K28KDN				
15	28204901822	Võ Phương	Thảo	AUD 353 SA	K28KDN				
16	28204953855	Đoàn Thị Thanh	Thảo	AUD 353 SA	K28KDN				
17	28204953863	Trương Thị Kim	Thảo	AUD 353 SA	K28KDN				
18	28204938443	Nguyễn Thị Hoài	Thu	AUD 353 SA	K28KDN				
19	28204900405	Phan Thị Minh	Thư	AUD 353 SA	K28KDN				
20	28204903750	Nguyễn Thị Ngọc	Thư	AUD 353 SA	K28KDN				
21	28204904409	Nguyễn Thị Anh	Thư	AUD 353 SA	K28KDN				
22	28204953867	Đỗ Vân	Thư	AUD 353 SA	K28KDN				
23	28206504646	Nguyễn Thị	Thuận	AUD 353 SA	K28KDN				
24	28204301809	Lê Thị Thu	Thương	AUD 353 SA	K28KDN				
25	28209404558	Nguyễn Thị Thu	Thúy	AUD 353 SA	K28KDN				
26									
27									
28									
29									

Số SV vắng__Đình chỉ: __Tổng số bài thi: __Tổng số tờ: __

NGƯỜI LẬPGIÁM THIGIÁM KHẢO 1GIÁM KHẢO 2TRUNG TÂM KHẢO THÍ

Thời gian : 09h30 - 26/07/2025 - Phòng thi 414 /2 - 254 Nguyễn Văn Linh

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	SỐ TỜ	KÝ TÊN	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
1	28204953866	Phạm Thị Thanh	Thúy	AUD 353 SA	K28KDN				
2	27202630313	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	AUD 353 SA	K27KDN				
3	28204901661	Lê Thị Mỹ	Tiên	AUD 353 SA	K28KDN				
4	28205204242	Đặng Thị Kim	Tiết	AUD 353 SA	K28KDN				
5	28204605415	Trần Thị Ngọc	Trâm	AUD 353 SA	K28KDN				
6	28204749529	Lê Thị Huyền	Trân	AUD 353 SA	K28KDN				
7	28204903743	Đặng Trần Bảo	Trân	AUD 353 SA	K28KDN				
8	28215044691	Đặng Thị Mỹ	Trân	AUD 353 SA	K28KDN				
9	28204802948	Dương Nguyễn Thùy	Trang	AUD 353 SA	K28KDN				
10	28204900254	Châu Ánh	Trang	AUD 353 SA	K28KDN				
11	28204939504	Lê Thị Quỳnh	Trang	AUD 353 SA	K28KDN				
12	28204954207	Đặng Thị Thùy	Trang	AUD 353 SA	K28KDN				
13	27212627742	Lê Huỳnh Phương	Trinh	AUD 353 SA	K27KDN				
14	28204954711	Lê Thị Ngọc	Tú	AUD 353 SA	K28KDN				
15	28205039935	Nguyễn Thị Thảo	Vân	AUD 353 SA	K28KDN				
16	27202680033	Huỳnh Thị	Vĩnh	AUD 353 SA	K27KDN				
17	28204904965	Trần Huỳnh Hà	Vy	AUD 353 SA	K28KDN				
18	28204946425	Tổng Khánh	Vy	AUD 353 SA	K28KDN				
19	28204951880	Trương Thị Kiều	Vy	AUD 353 SA	K28KDN				
20	28204951245	Nguyễn Thị	Xuân	AUD 353 SA	K28KDN				
21	28204401950	Võ Thị Như	Ý	AUD 353 SA	K28KDN				
22	28204905971	Nguyễn Thị Như	Ý	AUD 353 SA	K28KDN				
23	28204902639	Hồ Nguyễn Thị Mỹ	Yên	AUD 353 SA	K28KDN				
24	28204801965	Hoàng Thị Kim	Yến	AUD 353 SA	K28KDN				
25	28204903214	Nguyễn Thị Hoài	Yến	AUD 353 SA	K28KDN				
26									
27									
28									
29									

Số SV vắng___Đình chỉ:___Tổng số bài thi:___Tổng số tờ:___

NGƯỜI LẬPGIÁM THÍGIÁM KHẢO 1GIÁM KHẢO 2TRUNG TÂM KHẢO THÍ